

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/DS-ST
Ngày: 08/5/2024
“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Xuân Thành;
- Ông Nguyễn Xuân Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bách - Thư ký Tòa án nhân dân huyện LẮk, tỉnh ĐẮk LẮk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LẮk, tỉnh ĐẮk LẮk tham gia phiên tòa: Ông Y Ker Bkrông - Kiểm sát viên.

Ngày 08/5/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LẮk, tỉnh ĐẮk LẮk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-DS ngày 08/4/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị H, sinh năm 1976,

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn L, huyện L, tỉnh ĐẮk LẮk, *có mặt.*

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Phú Q, sinh năm 1988,

Địa chỉ: 160 Ng, tổ dân phố 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh ĐẮk LẮk, *có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Dương Thị H trình bày:**

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 04/4/2019 tôi có cho bà Huỳnh Thị Phú Q vay số tiền gốc 32.000.000 đồng (*ba mươi hai triệu đồng*) với lãi suất thỏa thuận là 400.000 đồng/tháng, tương đương với 1,25%/tháng. Thời hạn vay hai bên thỏa thuận 15 tháng, là đến ngày 06/7/2020 bà Q trả toàn bộ tiền đã vay cho tôi, còn tiền lãi trả theo hàng tháng. Tuy nhiên cho đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng bà Q mới trả cho tôi 3.100.000 đồng tiền lãi, số tiền gốc và lãi còn lại vẫn chưa trả cho tôi khoản nào.

Nay tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Huỳnh Thị Phú Q trả lại cho tôi số tiền nợ gốc đã vay là 32.000.000 đồng (ba mươi hai triệu đồng) và tiền lãi trong hạn là 15 tháng với mức lãi 1,25%/tháng x 32.000.000 đồng = 6.000.000 đồng; lãi quá hạn tính từ ngày 07/7/2020 đến ngày 07/5/2024 là 46 tháng với mức lãi 1,875%/tháng x 32.000.000 đồng x 46 tháng = 27.600.000 đồng. Tổng số tiền bà Quý phải trả cho tôi là 32.000.000 gốc + 6.000.000 đồng tiền lãi trong hạn và 27.600.000 đồng lãi quá hạn = 65.600.000 đồng, khấu trừ 3.100.000 đồng tiền lãi mà bà Q đã trả, số tiền còn lại phải trả là 62.500.000 đồng, ngoài ra tôi không có yêu cầu gì thêm.

Quá trình tham gia tố tụng tại bản tự khai ngày 18/01/2024, bị đơn bà Huỳnh Thị Phú Q trình bày:

Vì có mối quan hệ đồng nghiệp công tác tại Trường tiểu học Đặng Thùy Trâm nên trong quá trình quen biết tôi có kêu gọi các chị em trong trường hùn nhau góp vốn làm ăn, giúp đỡ những người khó khăn hơn, sau khoảng thời gian hùn vốn vì bản thân gặp rủi ro trong việc mua bán nên đã dùng số tiền trên làm ăn và bị bể nợ. Trong thời gian từ ngày 10/3/2019 tôi có xin chị Dương Thị H khát nợ và trả dần, ngày 04/4/2019 chị H gặp trao đổi và ép tôi viết giấy nợ và phải trả lãi hàng tháng nên buộc tôi phải viết giấy nợ là 32.000.000 đồng và trả lãi hàng tháng là 400.000 đồng. Vì tin tưởng đồng nghiệp và vì sự am hiểu pháp luật còn hạn chế trong lúc bối rối vì những chuyện rủi ro vừa qua nên tôi đã viết giấy vay tiền với chị H chứ trên thực tế số tiền trên là tiền hàng tháng đóng góp cho nhau chơi huê, hụi chứ không phải tôi vay tiền chị H, tôi cũng chưa vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với chị Huê, tôi đã hứa trả cho chị H số tiền là 8.000.000 đồng khoảng thời gian từ ngày 09/5/2019 đến ngày 4/8/2023 và tôi xin nhận số tiền phải trả nợ cho chị H là 24.000.000 đồng và đề nghị trả dần.

* Tại bản tự khai ngày 11 tháng 4 năm 2024, bà Huỳnh Thị Kim D khai với nội dung: Ngày 19/7/2019 em gái tôi là Huỳnh Thị Phú Q có đưa tiền cho tôi 400.000 đồng để nhờ gửi trả cho chị Dương Thị H, sau đó con gái của chị H là cháu H đến tiệm may của tôi lấy số tiền này, khi đưa tiền cho cháu H thì giữa hai người không lập biên bản giao nhận gì. Do công việc bận nên đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt tôi.

* Tại bản tự khai ngày 12 tháng 4 năm 2024, chị Bùi Thị Thúy H khai với nội dung: Ngày 09/5/2019 mẹ tôi là Dương Thị H có nhờ tôi đến nhà cô Huỳnh Thị Phú Q để nhận tiền cô Q trả và tôi đã nhận 1.000.000 đồng, khi nhận thì tôi có ký nhận vào giấy trả nợ của cô Q, ngoài ra tôi không nhận bất kỳ khoản tiền nào từ bà Huỳnh Thị Kim D và cũng không biết bà D là ai. Do công việc bận nên đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt tôi.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắc phát biểu:

Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vấn đề thu thập chứng cứ, lấy lời khai, thời hạn chuẩn bị xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 97, 98, 203, 220 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và cho Viện kiểm sát đúng theo quy định tại Điều 170 đến Điều 175, Điều 178 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự cơ bản đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 và 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Tuy nhiên bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử (viết là HĐXX) xét xử vắng mặt bị đơn.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Ý kiến về giải quyết vụ án: Căn cứ giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp thể hiện nội dung: Ngày 04/4/2019 bà Dương Thị H có cho bà Huỳnh Thị Phú Q vay số tiền 32.000.000 với lãi suất thỏa thuận 1,25%/tháng. Thời hạn vay hai bên thỏa thuận 15 tháng là đến ngày 06/7/2020 bà Q trả cho bà H toàn bộ tiền gốc cho bà D, còn tiền lãi trả theo hàng tháng. Tuy nhiên cho đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng bà Q mới trả cho bà Huệ 3.100.000 đồng tiền lãi, số tiền gốc và lãi còn lại vẫn chưa trả cho bà H khoản tiền nào là xâm phạm đến quyền lợi của nguyên đơn, vi phạm theo cam kết về nghĩa vụ trả nợ. Quá trình giải quyết bị đơn đã thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn nhưng việc ký vào giấy vay tiền là do nguyên đơn ép buộc mà không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh và cho rằng đã trả cho bà Huệ 8.000.000 đồng tiền gốc thông qua bà Huỳnh Thị Kim D và con gái của bà Huệ là bé H nhưng bà D với bé H chỉ thừa nhận là có nhận 1.000.000 đồng nên không có cơ sở xem xét. Do đó việc nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả số nợ 32.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi trong hạn 1,25%/tháng, tiền lãi quá hạn 1,875%/tháng là đúng với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận, bà H thừa nhận bà Q đã trả 3.100.000 đồng tiền lãi nên khấu trừ tiền lãi mà nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã trả.

Về án phí và tạm ứng án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc đã vay và tiền lãi phát sinh nên đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk, do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn bà Huỳnh Thị Phú Q đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản và triệu tập tham gia tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, HĐXX thực hiện việc xét xử vắng mặt bà Q.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện. Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án không áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện để giải quyết vụ án.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Đối với số tiền vay 32.000.000 đồng: Theo giấy ghi nội dung vay tiền mà nguyên đơn dùng để làm căn cứ khởi kiện bị đơn và lời khai của các đương sự, HĐXX xác định vào ngày 06/4/2019 giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền gốc 32.000.000 đồng, thời hạn vay là 15 tháng với lãi suất là 400.000 đồng/tháng tương đương với 1,25%/tháng. Nay đã quá thời hạn trả nợ mà bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn khoản tiền gốc và tiền lãi nào là xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, vi phạm sự thỏa thuận về việc vay tài sản giữa các bên, vi phạm nguyên tắc thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Quá trình tham gia tố tụng bị đơn thừa nhận và nhận nợ đối với số tiền vay 32.000.000 đồng nhưng cho rằng đây là tiền chơi huê, hụi và giấy vay tiền là do nguyên đơn ép buộc bị đơn viết, ký và cho rằng đã trả cho nguyên đơn 8.000.000 đồng thông qua bà Huỳnh Thị Kim D và chị Bùi Thị Thúy H nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh, chị H chỉ xác nhận đã nhận 1.000.000 đồng từ bà Q nên không có cơ sở xem xét. Căn cứ vào các điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, HĐXX xét thấy việc vay tiền giữa các bên là phù hợp với quy định của pháp luật nên buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc đã vay là 32.000.000 đồng.

[4.2] Đối với tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi trong hạn với mức là 1,25%/tháng tính từ ngày vay 06/4/2019 đến ngày trả nợ 06/7/2020 là 15 tháng, xét thấy đây là hợp đồng vay có lãi nên xác định yêu cầu trả lãi suất của nguyên đơn không trái với quy định của pháp luật được quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự (1,66%/tháng) nên được chấp nhận ($32.000.000 \text{ đồng} \times 1,25\% \times 15 \text{ tháng} = 6.000.000 \text{ đồng}$). Về tiền lãi quá hạn nguyên đơn yêu cầu với mức lãi suất 1,875%/tháng tính từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngày 7/7/2020 đến ngày 08/5/2024 là 46 tháng (làm tròn) xét thấy phù hợp với quy định của pháp luật được quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận ($32.000.000 \text{ đồng} \times 1,875\% \times 46 \text{ tháng} = 27.600.000 \text{ đồng}$). Như vậy tiền lãi buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: Lãi trong hạn 6.000.000 đồng + lãi quá hạn 27.600.000 đồng = 33.600.000 đồng, khấu trừ 3.100.000 đồng tiền lãi mà nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã trả, tiền lãi còn phải trả là 30.500.000 đồng.

[4.3] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (bị đơn) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của

pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về tiền án phí và tạm ứng án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết, xác định tiền án phí mà đương sự phải nộp như sau:

[5.1] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5% đối với nghĩa vụ phải trả số tiền gốc và tiền lãi cho nguyên đơn là 32.000.000 đồng + 30.500.000 đồng = 62.500.000 đồng x 5% = 3.125.000 đồng.

[5.2] Nguyên đơn được nhận lại 1.566.000 đồng (một triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2022/0003854 ngày 02 tháng 01 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đắk Lắk

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các điều 147, 184, 203, 220, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ các điều 157, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

1. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị H.

- Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc bà Huỳnh Thị Phú Q có nghĩa vụ trả cho bà Dương Thị H số tiền nợ tổng cộng là 62.500.000 đồng (sáu mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng), trong đó tiền nợ gốc 32.000.000 đồng (ba mươi hai triệu đồng), tiền lãi 30.500.000 đồng (ba mươi triệu năm trăm nghìn đồng)

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (bị đơn) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về tiền án phí và tạm ứng án phí:

- Về tiền án phí: Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Phú Q phải chịu **3.125.000 đồng** (*ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Về tiền tạm ứng án phí: Nguyên đơn bà Dương Thị H được nhận lại 1.566.000 đồng (*một triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2022/0003854 ngày 02 tháng 01 năm 2024.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Văn Công Cường